

Bản án số: 37/2019/HS-ST

Ngày: 13-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Tân - Chuyên viên trung tâm văn hóa thể thao thành phố Long Xuyên;

Ông Mai Châu Giang - Nguyên Bí thư Phường Đoàn phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu - Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P, sinh ngày 25/12/1995 tại An Giang; Nơi cư trú: số 636/16, tổ 7, khóm P, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với mẹ tại khóm P, phường Đ, thành phố X. Ngày 31 tháng 7 năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố X ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, đến ngày 09 tháng 12 năm 2016 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 20/3/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Chị Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cư trú: ấp H, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1/ Anh **Lê Huỳnh L**, sinh năm 1977 (có mặt)

Cư trú: khóm P, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang;

2/ Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1979 (có mặt)

Cư trú: khóm P, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang;

3/ Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1911 (vắng mặt)

Cư trú: khóm P, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang;

4/ Anh **Phạm Phước H**, sinh năm 1977 (có mặt)

Cư trú: khóm P, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang;

5/ Chị **Lê Thị Yến N**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cư trú: khóm P, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang;

6/ Chị **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1976 (có mặt)

Cư trú: khóm P, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang;

7/ Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1974 (có mặt)

Cư trú: khóm P, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 3 năm 2019, Nguyễn Văn P đến nhà trọ Y tại số 35/9, tổ 7, khóm P, phường Đ, thành phố X thấy chị Nguyễn Thị Ngọc N đang ngủ trong phòng trọ số 02, cửa phòng không khóa nên nảy sinh ý định hiếp dâm chị N. Thực hiện ý định này, P chờ các anh Lê Huỳnh L, Huỳnh Văn T, Nguyễn Văn C lên tầng 1 sửa chữa nhà trọ thì P lấy 01 cây dao Thái Lan mũi nhọn, cán nhựa màu vàng để trên nền gạch trong khu vực nhà trọ rồi đến mở cửa phòng số 02. Tại đây, P một tay cầm dao, tay còn lại sờ vào ngực chị N làm chị N giật mình thức dậy. P liền kề dao vào cổ khổng chế, cởi quần, áo của chị N. P cởi quần, áo của P và thực hiện hành vi hiếp dâm chị N. P bắt chị N nằm ngửa, còn P quỳ gối cầm dương vật đưa vào âm hộ của chị N giao cấu một lúc rồi buộc chị N quay người lại, quỳ gối, hai tay chống về phía trước, còn P quỳ gối cầm dương vật đưa vào âm hộ của chị N giao cấu. Khoảng 30 giây sau thì dương vật của P hết cương cứng nên P buộc chị N nằm ngửa ngậm dương vật của P, còn P nằm ngược lại liếm âm hộ của chị N. Sau đó, P tiếp tục buộc chị N nằm ngửa để Phúc giao cấu nhưng không được do dương vật của P không cương cứng nên P ngồi xuống, hai chân duỗi thẳng, đặt con dao xuống nền gạch, buộc chị N ngồi lên người P để giao cấu. Lợi dụng cơ hội này, chị N chồm qua người P lấy con dao trên nền gạch và đẩy P ra. P dùng tay trái chụp vào lưỡi dao, còn tay phải bóp cổ chị N. Chị N

tiếp tục chống cự và tri hô kêu cứu thì P nghe tiếng anh L, T, Còi từ tầng 01 đi xuống nên buông chị N ra và mở cửa bỏ chạy trong tình trạng không mặc quần áo.

Đến khoảng 08 giờ, ngày 20 tháng 3 năm 2019, chị N cho chị Lê Thị Yến N là chủ nhà trọ Y biết sự việc trên và nhờ chị N đến Công an phường Đ trình báo. Ngay sau đó, Công an phường đến nhà chị Nguyễn Thị Hạnh Đ ở tổ 07, khóm P, phường Đ phát hiện P đang cầm 02 cây dao Thái Lan trốn dưới gầm giường nên bắt giữ P giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, chị N có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Giấy xác nhận về việc khám và điều trị người bệnh số 06 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bệnh viện Sản nhi tỉnh An Giang đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N xác định: Tầng sinh môn không chảy xước, màn trinh dẫn rộng, vết rách cũ; siêu âm tử cung và phần phụ không phát hiện bất thường; test thai âm tính; kết quả soi nhuộm không tìm thấy tinh trùng.

Kết quả xét nghiệm HIV ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh An Giang đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N kết luận: âm tính.

Giấy chứng nhận thương tích số 84 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh An Giang đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N xác định: N khai đau vùng cổ, vai (P) và gối (P), sây sát da vùng vai (P) và lưng.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 88/19/TgT ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 00%.

Biên bản xem xét dấu vết thân thể ngày 20 tháng 3 năm 2019 đối với Nguyễn Văn P xác định: 02 vết rách da ở giữa ngón cái và ngón trỏ, bàn tay trái; 01 vết sây sát da ở bên cổ phải, kích thước 02 x 01cm.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X ra Quyết định trưng cầu giám định số 272, trưng cầu Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam bộ giám định sức khỏe tâm thần của chị N nhưng chị N từ chối đi giám định.

Tại cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 25/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “*Hiếp dâm*” theo khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng khoản 1 Điều 141, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “*Hiếp dâm*”.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho người bị hại ở mức tối đa là 50 tháng lương cơ sở, các khoản khác bị hại chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh nên tách ra giải quyết thành vụ án khác khi bị hại có yêu cầu.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy:

1/ 01 (một) gói niêm phong có dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát Công an TP X, các chữ ký Hồ Văn C, Lờ Văn T, Nguyễn Thị Ngọc N, bên trong có một cây dao Thái Lan cán nhựa màu vàng dài 10 cm, mũi nhọn, lưỡi kim loại dài 11 cm, bị cong;

2/ 01 (một) cái áo sơ mi tay dài, sọc ca rô màu đỏ, xanh, cam, loại cổ bẻ (đã qua sử dụng);

3/ 01 (một) cái quần jean dài, màu xanh đậm (đã qua sử dụng);

4/ 01 (một) cái quần lót nam bằng thun, hiệu PUMA, màu xám, trên quần lót có in hình con báo màu đỏ (đã qua sử dụng);

5/ 01 (một) cái áo dây bằng vải, màu đỏ, có viền ren màu đen (đã qua sử dụng);

6/ 01 (một) cái quần vải màu đỏ, ngắn (loại quần ngủ của nữ), có ren màu đen ở ống quần (đã qua sử dụng);

7/ 01 (một) quần đùi bằng thun, màu xanh, phía trước quần có in hình con gà trống màu đen (đã qua sử dụng);

8/ 01 (một) gói niêm phong có dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. X, các chữ ký Hồ Văn C, Lờ Văn T, Nguyễn Thị Hạnh Đ, bên trong có: 01 (một) cây dao Thái Lan cán nhựa màu vàng dài 10 cm, mũi nhọn, lưỡi kim loại dài 11 cm, bị cong; 01 (một) cây dao Thái Lan cán nhựa màu vàng dài 10 cm, mũi bầu, lưỡi kim loại dài 11 cm.

Bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận do bị cáo sử dụng ma túy đá nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không biết, bị cáo không khai nhận gì thêm, bị cáo chỉ trình bày lời khai của người bị hại và các người làm chứng là đúng, bị cáo không đồng ý bồi thường, bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa bị cáo không khai nhận hành vi đã thực hiện, bị cáo khai do sử dụng ma túy đá trước đó nên bị cáo không nhớ gì hết, đến khi bị bắt thì bị cáo mới biết. Tuy nhiên căn cứ lời khai của bị hại về việc bị cáo dùng dao thái lan kê vào cổ không chế để thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Lời khai của bà Nguyễn Thị K là mẹ của bị cáo khai tại phiên tòa về việc bị cáo không mặc quần áo chạy về nhà và nghe mọi người xung quanh cho biết có sự việc hiếp dâm tại nhà trọ Y thì bà biết là do bị cáo thực hiện. Ngoài ra còn các chứng cứ cụ thể khác là lời khai của các người làm chứng có mặt tại phiên tòa đã nghe tiếng kêu cứu của bị hại, nhìn thấy bị cáo trần truồng bỏ chạy, quần áo của bị cáo để lại tại phòng trọ của bị hại, giấy chứng nhận thương tích của người bị hại, biên bản xem xét dấu vết thân thể ngày 20/3/2019 đối với bị cáo thể hiện 02 vết rách da ở giữa ngón cái và ngón trỏ bàn tay trái; 01 vết rách da ở bên cổ phải, kích thước 02 x 01 cm, thương tích này phù hợp với lời khai của bị hại về việc bị cáo sử dụng dao Thái Lan để đe dọa. Đồng thời khi bị hại giật được dao thì bị cáo dùng tay trái chụp vào lưỡi dao gây nên thương tích. Do đó, đủ căn cứ xác định bị cáo đã dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để thực hiện hành vi giao cấu với nhiều tư thế khác nhau và thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác khi bắt bị hại ngậm dương vật bị cáo trái với ý muốn của bị hại. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm “ theo khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong nhân dân, nhất là những người đang ở các nhà trọ trên địa bàn. Hành vi của bị cáo xâm phạm sức khỏe, danh dự nhân phẩm của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Thời gian gần đây các tội phạm xâm hại tình dục ngày càng tăng nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra bị cáo có bản tự khai khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo có thái độ không ăn năn hối cải, không ray rứt hành vi đã thực hiện mà cho rằng do sử dụng ma túy đá bị cáo không biết mình làm gì và cũng không đồng ý bồi thường cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết ăn năn hối cải đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm 40.000.000 đồng; bồi thường về thu nhập bị mất 100.000.000 đồng; bồi thường về thu nhập của người chăm sóc bị mất 30.000.000 đồng; bồi thường tổn thất tinh thần do danh dự, uy tín nhân phẩm bị xâm phạm 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, chỉ đủ

căn cứ xem xét mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại và xét thấy tổn thất về tinh thần là rất lớn khi bị hại đang điều trị bệnh ung thư, vợ chồng vừa mới cưới nhau nên cần áp dụng mức tối đa theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự là $50 \times 1.390.000 \text{ đồng} = 69.500.000 \text{ đồng}$ (Mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ). Đối với các khoản khác khi nào bị hại chứng minh được có thể khởi kiện thành vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn P** phạm tội “Hiếp dâm”.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Điều 590 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn P** **06 (sáu)** năm tù

Thời hạn tù tính từ ngày: 20/3/2019.

[2] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy

1/ 01 (một) gói niêm phong có dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát Công an TP X, các chữ ký Hồ Văn C, Lò Văn T, Nguyễn Thị Ngọc N, bên trong có một cây dao Thái Lan cán nhựa màu vàng dài 10 cm, mũi nhọn, lưỡi kim loại dài 11 cm, bị cong;

2/ 01 (một) cái áo sơ mi tay dài, sọc ca rô màu đỏ, xanh, cam, loại cổ bẻ (đã qua sử dụng);

3/ 01 (một) cái quần jean dài, màu xanh đậm (đã qua sử dụng);

4/ 01 (một) cái quần lót nam bằng thun, hiệu PUMA, màu xám, trên quần lót có in hình con báo màu đỏ (đã qua sử dụng);

5/ 01 (một) cái áo dây bằng vải, màu đỏ, có viền ren màu đen (đã qua sử dụng);

6/ 01 (một) cái quần vải màu đỏ, ngắn (loại quần ngủ của nữ), có ren màu đen ở ống quần (đã qua sử dụng);

7/ 01 (một) quần đùi bằng thun, màu xanh, phía trước quần có in hình con gà trống màu đen (đã qua sử dụng);

8/ 01 (một) gói niêm phong có dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP X, các chữ ký Hồ Văn C, Lờ Văn T, Nguyễn Thị Hạnh Đ, bên trong có: 01 (một) cây dao Thái Lan cán nhựa màu vàng dài 10 cm, mũi nhọn, lưỡi kim loại dài 11 cm, bị cong; 01 (một) cây dao Thái Lan cán nhựa màu vàng dài 10 cm, mũi bầu, lưỡi kim loại dài 11 cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án Dân sự thành phố X ngày 06/5/2019).

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc N bù đắp tổn thất về tinh thần là 50 x 1.390.000 đồng = 69.500.000 đồng (sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 3.475.000 đồng (ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Công an TPLX;
- THA DS TPLX;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt